TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2019/DS-PT
Ngày: 30/5/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Sơn

2. Bà Thái Thị Huyền Trân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân- Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 62/2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 169/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2019/QĐXX-PT ngày 08 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Kim L (5 T), sinh năm 1975 (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cư trú: Ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Thúy H), sinh năm 1978 (có mặt).

Cư trú: Ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Ông Nguyễn Lưu Quang, sinh năm 1984. Cư trú: 96/6I, Đông Thịnh 2, phường Mỹ Phước, thành phố Long

Xuyên, tỉnh An Giang là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số công chứng ngày 23/5/2019) (có mặt)

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị Hạnh K, sinh năm 1970 (Có yêu cầu vắng mặt);

Cư trú: Ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1968 (Có yêu cầu vắng mặt);

Cư trú: Ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (Có yêu cầu vắng mặt);

Cư trú: Ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Người kháng cáo: Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Thúy H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Vĩnh trình bày: Vào ngày 15/01âl/2016, bà L có tham gia 01 phần hụi do bà Nguyễn Thị T làm chủ, dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 26 hụi viên, mỗi tháng khui một lần và bà T chầu hụi sống được 21 lần (ngày 15/10âl/2017) thì bà T hốt hụi được số tiền 239.300.000 đồng nhưng bà T chỉ giao số tiền 119.650.000 đồng, còn nợ lại bà L số tiền 119.650.000 đồng. Bà L có yêu cầu bà T trả số tiền này nhiều lần nhưng bà T vẫn không thực hiện. Nay yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 119.650.000 đồng. Nguyên đơn có văn bản xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải, đối chất và xét xử.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Lưu Quang trình bày: Vào ngày 02/09âl sau/2014, bà T có làm chủ dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần, gồm 38 hụi viên. Sau đó, bà T bổ sung thêm 02 hụi viên là bà Cà Hem, bà Ngon (không biết họ, năm sinh, chỉ biết tên trên danh sách hụi viên, hai người này cùng ở ấp An Mỹ, xã Hòa An, huyện Chợ Mới), tổng cộng là 40 hụi viên. Việc bổ sung 02 hụi viên này bà T có thông báo đến tất cả hụi viên. Bà L tham gia 01 phần, hụi khui đến lần thứ 24 thì bà L hốt phần hụi này, hụi khui 1.500.000 đồng, sau khi trừ huê hồng thì bà L nhận được số tiền 169.000.000 đồng và chầu hụi chết đến lần thứ 38 (ngày 02/09âl/2017) thì ngưng bà L không đóng hụi chết cho bà T 02 lần (ngày 02/10âl/2017, ngày 02/11âl/2017) tổng cộng số tiền là 10.000.000 đồng.

Dây hụi 10.000.000 đồng, khui vào ngày 15/01âl/2016, gồm 25 hụi viên, bà L tham gia 01 phần. Sau đó, bà L yêu cầu tham gia thêm 01 phần, nên tổng cộng có 26 hụi viên và bà L tham gia dây hụi này là 02 phần. Việc bà L tham gia thêm 01 phần hụi nữa, bà T có thông báo đến tất cả các hụi viên. Bà L đã hốt hết 02 phần hụi này, sau khi trừ huê hồng bà T đã giao đủ tiền cho bà L là 339.113.000 đồng [phần thứ nhất hốt lần thứ 4 (ngày 15/4âl/2016), hụi khui 1.820.000đ bà L hốt được

179.780.000đ. Phần thứ hai hốt lần thứ 11 (ngày 15/11âl/2016), hụi khui 2.310.000đ bà L hốt được 201.350.000đ]. Bà L còn nợ 04 lần hụi chết chưa chầu x 02 phần = 80.000.000 đồng.

Như vậy, bà L nợ bà T 02 dây hụi chết chưa chầu, tổng cộng 90.000.000 đồng. Trước đây theo biên bản hòa giải ngày 20/6/2018 thì bà T có yêu cầu khấu trừ số tiền hụi chết mà bà L còn nợ bà T là 92.000.000 vào số tiền hụi mà bà L yêu cầu bà T trả là 119.650.000 đồng (nếu bà L có chứng cứ chứng minh việc bà T nợ bà L tiền hụi là 119.650.000 đồng) nhưng nay ông Quang xác định bà T không nợ tiền hụi của bà L, do đó không đồng ý khấu trừ vào số tiền mà bà L yêu cầu bà T trả. Trước đây, bà T có yêu cầu phản tố số tiền là 92.000.000 đồng nay bà xin rút lại một phần yêu cầu phản tố là 2.000.000đ đối với bà L, yêu cầu bà L có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền nợ hụi tổng cộng là 90.000.000đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 169/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã xử:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2Điều 92, Điều 147, Điều 228, Điều 229, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 357, Điều 468, 471 Bộ luật dân sự 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với bà Nguyễn Thị T.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền hụi còn nợ 119.650.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T đối với số tiền 2.000.000 đồng.

Bản án còn tuyên thời hạn kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ngày 27/11/2018, bà Nguyễn Thị T kháng cáo: Yêu cầu Tòa án xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án và hủy bản án sơ thẩm số: 169/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Tại phiên tòa, ông Quang là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T, trình bày nội dung kháng cáo: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về nội dung phản tố đối với dây hụi 10.000.000đ, mở ngày 15/01al/2016, bà L còn phải góp 4 lần hụi chết 40.000.000đ của 02 phần hụi là: 80.000.000đ. Rút

yêu cầu phản tố đối với 10.000.000đ của 2 lần góp hụi chết của dây hụi mở ngày 02/9/2014.

- Ý kiến Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc chấp hành pháp luật của đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Góp hụi trên cơ sở thỏa thuận giữa chủ hụi và hụi viên, các bên đã tham gia góp hụi nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên, bà T còn giữ 119.650.000đ số tiền của bà L nên phát sinh tranh chấp, có căn cứ xác định bà L tham gia 02 phần hụi, ngày hốt hụi 15/10/2017 là còn 3 phần hụi chết, 02 phần 60.000.000đ. Bà T rút yêu cầu phản tố đối với 10.000.000đ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa bán án sơ thẩm, chấp nhận 1 phần yêu cầu phản tố của bà T, phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị giữa nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T kháng cáo trong hạn luật định, có nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị L không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với bản án sơ thẩm.

Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Kim L (5Tùng) là nguyên đơn trong vụ án, bà có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà L.

Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại phiên tòa, người đại diện của bị đơn bà Nguyễn Thị T là ông Nguyễn Lưu Quang trình bày nội dung kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét về nội dung phản tố đối với dây hụi 10.000.000đ, mở ngày 15/01al/2016, yêu cầu bà L góp 4 lần hụi chết 40.000.000đ của 02 phần hụi là: 80.000.000đ. Rút yêu cầu phản tố đối với 10.000.000đ của 2 lần góp hụi chết của dây hụi mở ngày 02/9/2014.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Lưu Quang đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút yêu cầu phản tố đối với 10.000.000đ của 2 lần góp hụi chết dây hụi mở ngày 02/9/2014, căn cứ tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, việc rút yêu cầu phản tố hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đó là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu phản tố 10.000.000đ của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Kim L.

Tại Tờ tự khai ngày 08/4/2018 của bà Nguyễn Thị Kim L, bà tham gia 01 dây hụi 10.000.000đ do bà Nguyễn Thị T làm chủ. Hụi mở ngày 15/01al/2016

(nhằm 22/02/2016), hụi có 26 phần, hụi kết thúc ngày 15/01al/2018. Ngày 15/10al/2017, bà L hốt được 239.300.000đ, nhưng bà T giao một nữa: 119.650.000đ, nên còn nợ bà 119.650.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của bà T thừa nhận có giữ lại số tiền hụi 119.650.000đ, lời thừa nhận này là chứng cứ, phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn nên cấp sơ thẩm buộc bà T trả số tiền 119.650.000đ cho bà L là có căn cứ. Tuy nhiên, bị đơn phản tố cho rằng bà L chưa chầu 04 lần hụi chết nhưng cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa đảm bảo tính khách quan và tập quán góp hụi. Bởi vì, Nguyên đơn thừa nhận tại bảng tự khai ngày 08/4/2017 (bút lục 02) thì dây hụi 10.000.000đ có 26 phần, bà chầu được 21 lần, vậy bà L hốt hụi vào lần thứ 22 và như vậy sẽ còn phải góp hụi chết cho đến khi kết thúc hụi, lời khai này phù hợp với nội dung phản tố của bị đơn. Và cũng chính lời khai của bà L cho rằng ngày 15/10al/2017 bà T tuyên bố ngưng hụi. Trong khi chủ hụi bà T còn đang giữ 119.650.000đ của bà L, lẽ dĩ nhiên bà L sẽ không bao giờ góp hụi chết cho các phần hụi còn lại, điều này phù hợp với tập quán chơi hụi ở địa phương. Về nội dung này, cấp sơ thẩm tiến hành đối chất để làm rõ nhưng đại diện nguyên đơn cũng như nguyên đơn không tham gia, coi như từ bỏ quyền trình bày của mình. Bà L hốt ngày 15/10al/2017, hụi kết thúc vào ngày 15/01al/2018, vì trong năm 2017 âm lịch nhuần 02 tháng 6 nên chỉ còn 3 lần phải góp hụi chết tháng 11, tháng 12 và tháng 01al/2018, nên có căn cứ xác định bà L phải góp 03 lần hụi chết cho bà T, mỗi phần 10.000.000đ, 03 lần góp là 30.000.000đ.

Theo danh sách hụi mở ngày 15/01al/2016(Bl 14), bà L tham gia 02 phần theo số thứ tự 12 và 26, Tờ tự khai ngày 08/4/2018 của bà L thì hụi này có 26 phần, căn cứ vào danh sách hụi viên tham gia phù hợp với lời khai của bà T. Do bà L không cung cấp chứng cứ chứng minh có danh sách góp hụi khác hoặc chứng cứ nào khác để chứng minh bà chỉ tham gia 01 phần trong 26 phần như bà đã tự khai ngày 08/4/2018 nên có căn cứ xác định bà L tham gia 02 phần hụi như bà T trình bày. Vì vậy, bà L còn phải góp 02 phần hụi của 03 lần hụi chết của dây 10.000.000đ là 60.000.000đ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh An Giang, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà T đối với bà L.

Tai phiên Tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện của số tiền 2.000.000đ, đây là quyền tự định đoạt của đương sự được quy định tại Điều 5 BLTTDS, nên cấp sơ thẩm đình chỉ đối với nội dung này là đúng pháp luật.

[4] Án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu phản tố 60.000.000đ, bà T phải chịu án phí: 1.000.000đ đối với số tiền 20.000.000đ không chấp nhận.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà T không phải chịu án phúc thẩm 300.000đ, hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2016/0000328 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 227 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Thúy H)

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 196/2018/DS-ST, ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Điều 471 Bộ luật dân sự 2005 và các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015

- Nghị định số:144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về Họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L (5 Tùng) đối với bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Thúy H).

Buộc bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền hụi còn nợ 119.650.000 đồng (Một trăm mười chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim L có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền hụi còn phải góp 60.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử số tiền 2.000.000 đồng và 10.000.000đ theo yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T đối với với bà Nguyễn Thị Kim L.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm**:** 6.982.000 đồng bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: TU/2015/0019666 ngày 22/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị T phải nộp thêm số tiền 4.682.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Kim L chịu án phí dân sự sơ thẩm: 3.000.000đ khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 2.991.000 đồng theo biên lai thu tiền số: TU/2015/ 0019542 ngày 23/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Bà T còn phải nộp thêm: 9.000đ.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị Thúy H) không phải chịu án phí 300.000đ, hoàn trả 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí kháng cáo số: TU/2016/0000328 ngày 28/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết thi hành án) hoặc kể từ ngày có

đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Chợ Mới;
- TAND.H Chợ Mới
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụán.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Chí Keo